

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

HỌC PHẦN: **Giáo Dục Thể Chất 2** Số Tín chỉ: **1** LỚP: **14CD-M1**
HỌC KỲ: **II** NĂM HỌC: **2014 - 2015**

TT	MSSV	Họ tên sinh viên	Điểm bảo lưu	LBT1	THL1	LBT2	THL2	LBT3	THL3	GHP	THI CHÍNH	Điểm HP
				20%						30%	50%	
1	14D2040010	Ngô Ngọc Thúy An		10	9					10	8	8.9
2	14D2040011	Nguyễn Thị Phương Diễm		8	9					6	7	7.0
3	14D2040012	Nguyễn Thị Thu Hà		7	7					5	8	6.9
4	14D2040013	Phạm Thị Thanh Hằng		8	7					7	7	7.1
5	14D2040032	Trương Thị Hằng		10	10					7	7	7.6
6	14D2040014	Lâm Thanh Hào		10	10					10	7	8.5
7	14D2040001	Phạm Thị Hiếu		0	0					0	0	0.0
8	14D2040015	Nguyễn Thị Thu Hồng		7	9					9	7	7.8
9	14D2040033	Đỗ Thị Cẩm Hương		9	8					9	8	8.4
10	14D2040016	Huỳnh Ngọc Lan Hương		10	10					8	10	9.4
11	14D2040017	Lại Thị Tuyết Hương		7	9					7	9	8.2
12	14D2040018	Nguyễn Thu Hương		8	9					8	8	8.1
13	14D2040002	Phạm Thị Mỹ Huyền		8	9					8	9	8.6
14	14D2040019	Võ Thị Thúy Kiều		10	9					8	9	8.8
15	14D2040020	Nguyễn Thị Lài		9	7					6	8	7.4
16	14D2040021	Nguyễn Thị Thủy Linh		8	9					10	8	8.7
17	14D2040022	Phan Thị Tuyết Mai		7	10					7	8	7.8
18	14D2040003	Nguyễn Thị Mến		9	9					9	8	8.5
19	14D2040004	Võ Thị Hà Mi		9	9					9	8	8.5
20	14D2040023	Lê Thị Bích Ngoan		8	8					10	8	8.6
21	14D2040005	Huỳnh Thị Tường Nhi		7	8					7	8	7.6
22	14D2040024	Lê Thị Yên Nhi		6	8					7	8	7.5
23	14D2040025	Trần Thị Ý Nhi		8	8					7	8	7.7
24	14D2040006	Võ Thị Hồng Nhiên		8	9					8	8	8.1
25	14D2040026	Kiều Thanh Phú		8	9					9	7	7.9
26	14D2040027	Phạm Thị Hồng Quyên		7	8					7	8	7.6
27	14D2040028	Đặng Nguyễn Thủy Quỳnh		0	0					0	0	0.0
28	14D2040035	Nguyễn Thị Mộng Quỳnh		9	10					10	8	8.9
29	14D2040007	Lê Thái Song		10	10					10	8	9.0
30	14D2040008	Phạm Thị Thu Sương		8	10					8	9	8.7
31	14D2040036	Ngô Thị Thu Thảo		8	9					9	8	8.4
32	14D2040009	Phạm Thị Kim Thơ		0	0					0	0	0.0
33	14D2040034	Đỗ Thị Mộng Thu		9	8					6	8	7.5
34	14D2040029	Lâm Anh Thư		9	9					8	8	8.2
35	14D2040030	Lê Thị Cẩm Tiên		7	9					9	8	8.3
36	14D2040037	Trần Thị Diễm Trinh		8	10					7	8	7.9
37	14D2040031	Lê Thị Kim Vui		7	9					6	8	7.4
38	14D2040038	Dương Nguyên Thu Huệ		0	0					0	0	0.0

Yêu cầu : Khoa niêm yết cho sinh viên, lưu Giáo vụ Khoa và nộp bản chính cho Phòng TS - Đào tạo - GTVL.

Tổng danh sách có : 38 SV

Tổng số SV có điểm Giỏi từ 8,5 đ đến 10 đ	: 14 SV	(36,84%)	
Tổng số SV có điểm Khá từ 7 đ đến <8,5 đ	: 19 SV	(50%)	Tổng số SV có điểm ≥ 4 đ : 34 SV (89,47%)
Tổng số SV có điểm Trung bình từ 5,5 đ đến <7 đ	: 1 SV	(2,63%)	
Tổng số SV có điểm Trung bình yếu từ 4 đ đến <5,5 đ	: 0 SV	(0%)	
Tổng số SV có điểm kém <4 đ	: 4 SV	(10,53%)	Tổng số SV có điểm <4 đ : 4 SV (10,53%)
Tổng số SV không xếp loại vì chưa đủ điều kiện	: 0 SV	(0%)	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2015

KI TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY

P.T.K.

TĐ

Nguyễn Đức Thắng

Nguyễn Đức Thắng

Nguyễn Tiến Dương